TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 167/2022/DS-PT Ngày 08 – 9 – 2022 *V/v tranh chấp hợp đồng giao khoán*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền ông Vũ Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLPT-DS ngày 01/6/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán". Do có kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA đối với Bản án sơ thẩm số 12/2022/DSST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 137/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoản phiên tòa số 141/2022 QĐHPT-PT ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần cà phê PA. Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ 26, xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Huyền T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ 26, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Bà Lê Thị Thu T2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 281 - 283 Đường H, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Hắc Văn T3, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 281 - 283 Đường H, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Nhị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Z, xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Mạnh T). Địa chỉ: Thôn EN, xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông YK Niê Siêng. Địa chỉ: Thôn EN, xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị M. Địa chỉ: Thôn EN, xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA trình bày:

Công ty cổ phần cà phê PA có quyền sử dụng đất, là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản trên đất tại các thửa đất, gồm: 468 thửa, tờ bản đồ số 04 - 06, số 11 - 15, số 20 - 25, số 33 - 35, số 43 thuộc địa bàn xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 279613 ngày 03/4/2018.

Ngày 21/5/2015, Công ty TNHH một thành viên cà phê PA (nay là Công ty cổ phần cà phê PA) và bà Phan Thị V đã ký Hợp đồng kinh tế số 13/AP/HĐGK về việc giao - nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê - cây bơ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng giao khoán), mã lô C6 - Đơn vị AP - Vùng AT, diện tích 0,97ha, thời hạn 05 năm từ ngày 21/5/2015 đến ngày 31/3/2020.

Năm 2014, Công ty có phương án trồng thêm cây bơ xen bờ lô vườn cà phê, nhằm tạo điều kiện vành đai tránh gió, che bóng cho vườn cây cà phê và tạo điều kiện cho người nhận giao khoán tăng thêm thu nhập. Theo thỏa thuận và phương án được lập, Công ty cà phê PA chịu trách nhiệm đầu tư cầy giống, phân bón, tưới nước, vật tư, ... hộ nhận khoán **ông T** chịu trách nhiệm đầu tư thâm canh và lao động trên diện tích nhận khoán theo tỷ lệ đầu tư, Công ty đầu tư 20%, người nhận khoán đầu tư 80% .

Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện đúng, đầy đủ toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng nêu trên.

Ngày 26/3/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê tại vùng AT. Theo đó, Công ty ban hành thông báo 202/TB-CPPA ngày 27/3/2020 có hai nội dung:

Thứ nhất, các hộ nhận khoán đến hạn thanh lý hợp đồng, nếu không có nhu cầu tiếp tục nhận khoán thì liên hệ Đội trưởng để làm thủ tục thanh lý Hợp đồng.

Thứ hai, đối với các hộ có nhu cầu tiếp tục nhận khoán vườn cây cà phê, thì ký phụ lục gia hạn Hợp đồng 01 năm.

Tiếp theo đó, Công ty thực hiện các thủ tục như mời ông T đến làm việc để thỏa thuận gia hạn hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng nhưng ông T không đồng ý các phương án Công ty đưa ra, không gia hạn hợp đồng và không hợp tác để thanh lý hợp đồng.

Ngày 21/7/2020, Công ty ban hành thông báo số 223/TB-CPPA về việc thanh lý hợp đồng, giao nhận khoán vườn cây cà phê và trình tự, thủ tục thực hiện

việc tổ chức kiểm đếm, phân loại vườn cây, thanh lý hợp đồng. Ngày 23/7/2020, theo nội dung đã thông báo, ông T có mặt tại vườn cây nhận khoán nhưng không tham gia kiểm đếm và không cho phía Công ty vào kiểm đếm xác định giá trị vườn cây.

Ngày 03/8/2020, Công ty đã ban hành Thông báo số 261/TB-CPPA, xác định giá trị vườn cây trên đất tại thời điểm thanh lý thu hồi theo kết quả kiểm đếm, đánh giá vườn cây năm 2019. Lập biên bản thanh lý hợp đồng và yêu cầu ông T trả vườn cây và quyền sử dụng đất chậm nhất là ngày 11/8/2020. Tuy nhiên, ông T vẫn không hợp tác và cố tình chiếm giữ đối với diện tích đất và tài sản trên đất, gây cản trở việc Công ty bón phân làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của Công ty. Vì những lý do trên Công ty cổ phần cà phê PA khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Yêu cầu Tòa án thanh lý 03 hợp đồng giao khoán vườn cà phê số: 29.Đ3/HĐCF ký ngày 30/3/2007; Hợp đồng giao khoán – nhận khoán vườn cà phê số: 28.Đ3/HĐCF ký ngày 28/4/2010; Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số: 41/AT/HĐGK ký ngày 8/12/2014 theo đúng nội dung đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

- Buộc ông Nguyễn Mạnh T phải hoàn trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và vườn cây cho Công ty cổ phần cà phê PA đã giao tại các Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số 29.Đ3/HĐCF ký ngày 30/3/2007; Hợp đồng giao khoán – Nhận khoán vườn cà phê số 28.Đ3/HĐCF ký ngày 28/4/2010; Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số 41/AT/HĐGK ký ngày 8/12/2014 với tổng diện tích 2,39 héc ta, thuộc các thửa đất số 32,54,117, tờ bản đồ số 24 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM279613 do Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/4/2018 cho Công ty cổ phần cà phê PA.

Đối với việc ông T yêu cầu khi thanh lý hợp đồng giao khoán thì ông T phải được hưởng 50% giá trị vườn cây gồm giá trị cây cà phê, cây muồng theo thỏa thuận trong hợp đồng năm 1997 thì Công ty không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết căn cứ trên hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Ông T phải chứng minh được việc ông T có quyền kế thừa toàn bộ quyền lợi từ Hợp đồng năm 1997 do người khác ký kết. Ông T ký kết hợp đồng giao khoán với Công ty từ năm 2007, 2010 và 2014, không có thỏa thuận nội dung ông T được hưởng quyền lợi đối với vườn cây khi thanh lý hợp đồng, trường hợp ông T chứng minh được thì Công ty sẽ hoàn trả. Ngoài ra, ông T không phải là người có vốn góp trong thời kỳ kiến thiết cơ bản.

Đối với cây bơ trồng bờ lô (thay thế cây chắn gió), theo hợp đồng giao khoán giữa bà V và Công ty thì tỷ lệ góp vốn đầu tư là Bên A (Công ty) đầu tư 20%, bên B (người nhận khoán) là 80% đã được thể hiện trong hợp đồng.

Đối với việc ông T yêu cầu khi thanh lý hợp đồng thì Công ty phải bồi thường 100% giá trị các cây trồng do ông T tự ý trồng gồm có cây bơ trồng xen trong lô, cây cà phê chè, cây tiêu thì Công ty không đồng ý vì các cây trồng này không có trong hợp đồng, khi trồng không có sự đồng ý của Công ty, Công ty đã yêu cầu ông T chấm dứt việc trồng các loại cây trồng không có trong hợp đồng.

Việc ông T yêu cầu khi thanh lý hợp đồng thì Công ty phải hoàn trả lại 2% quỹ dự phòng rủi ro và 1% chính sách xã hội do Công ty đã thu từ người nhận khoán từ vụ năm 2004 – 2005 đến vụ năm 2016 – 2017 thì Công ty không đồng ý; hiện nay Công ty cũng đã dừng thu các khoản này. Việc nộp 3% sản lượng đã được thỏa thuận, ghi nhận tại Hợp đồng, khi ông T nhận khoán thì khoản thu này cũng đã được ghi nhận cụ thể tại điểm f tiểu mục 3.2.1 mục 3.2 Điều I của Hợp đồng giao khoán nên việc ông T yêu cầu Công ty trả lại các khoản này là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án Công ty đồng ý về kết quả xem xét, thẩm định, định giá tài sản. Đối với các cây trồng được thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng thì việc xem xét bồi hoàn giá trị cho bị đơn thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Còn các cây trồng khác do bị đơn tự trồng như cây cà phê chè, cây tiêu thì quá trình giải quyết vụ án Công ty sẽ xem xét hỗ trợ nếu bị đơn hợp tác trong việc thanh lý hợp đồng nhưng cần phải có ý kiến của Hội đồng quản trị của Công ty mới đưa ra được mức hỗ trợ cụ thể. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T không hợp tác thanh lý hợp đồng nên tại phiên tòa sơ thẩm Công ty không đồng ý chi trả bồi thường, hỗ trợ cho bị đơn đối với các loại cây do ông T tự trồng, không có trong hợp đồng.

2. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Mạnh T và người đại diện theo ủy quyền ông YK Niê Siêng trình bày:

Giữa ông Nguyễn Văn T và Công ty cà phê PA đã ký hợp đồng giao khoán vườn cà phê số 29.Đ3/HĐCF ký ngày 30/3/2007, Hợp đồng giao khoán – Nhận khoán vườn cà phê số 28.Đ3/HĐCF ký ngày 28/4/2010, Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số 41/AT/HĐGK ký ngày 8/12/2014.

Về lịch sử nguồn gốc của vườn cây được hình thành và tồn tại của vườn cây thì chủ cũ nhận khoán diện tích đất do ông T nhận khoán hiện nay, năm 1995 bắt đầu khai hoang, dọn đất để trồng mới cà phê, trong thời kỳ xây dựng kiến thiết cơ bản là 04 năm kể từ năm 1995 - 1998. Hai bên cùng góp vốn là hộ gia đình (Bên B) và Công ty (Bên A), thời hạn hợp đồng liên kết là 25 năm được tính từ ngày trồng mới năm 1995, sở hữu đất là Nhà nước.

Trong thời kỳ xây dựng kiến thiết cơ bản vốn đầu tư của bên A bao gồm: Khảo sát, thiết kế, khai hoang, xây dựng các công trình và mua sắm các tài sản cố định, trang thiết bị phục vụ sản xuất và quản lý các loại phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, sửa chữa thường xuyên đập nước, tưới nước, quản lý và bảo vệ sản xuất

chung trên toàn khu vực, nộp thuế nông nghiệp cho nhà nước. Đầu tư liên tục trong suốt thời gian liên kết sản xuất kinh doanh, vốn của bên A đầu tư trong suốt quá trình sản suất kinh doanh là **60%.**

Vốn đầu tư của bên B bao gồm: Làm lán trại, chuẩn bị đất trồng, trang thiết bị, công cụ lao động, phòng hộ lao động để sản xuất và các khoản bảo hiểm xã hội. Nhà nước quy định vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu bệnh từ kho bên A để đầu tư trên vườn cây. Thực hiện các khâu chăm sóc thường xuyên làm cỏ, chồi cành, đầu tư thâm canh thu hoạch, bảo vệ vận chuyển giao nộp sản phẩm vật tư, phân bón trên diện tích đất liên kết, vốn đầu tư bên B trong quá trình sản suất kinh doanh là **40%.**

Sản phẩm được chia theo tỷ lệ phần trăm góp vốn của các bên, nội dung trên có thể hiện tại Điều III và điều IV ở trang số 3 của hợp đồng liên kết sản xuất kinh doanh cà phê năm 1997, hợp đồng với tính tự nguyện và dân chủ. Hết thời hạn hợp đồng sau 25 năm thì giá trị vườn cây còn lại được tính 50% bên A và 50 % Bên B, đất sở hữu Nhà nước, có thể hiện tại điều VII, trang 7 hợp đồng 1997.

Trong suốt 25 năm quá trình hợp đồng liên kết sản xuất kinh doanh các chủ cũ là các hộ dân đã chấp hành đầy đủ, hoàn thành nghĩa vụ trên vườn cây đang chăm sóc. Nhưng khi thời hạn hợp đồng kết thúc Công ty cho rằng tiền thân Công ty TNHH MTV cà phê PA 100% vốn Nhà nước. Cho dù ông T cũng như nhiều hộ khác đã bỏ tiền vốn sang nhượng hợp đồng, tiếp quản vườn cây ông T cũng như các hộ gia đình khác đã chấp hành, thực hiện đầy đủ các nội dung điều khoản trong hợp đồng và thực hiện hoàn thành nghĩa vụ trên vườn cây ông T đang chăm sóc đầu tư.

Vì vậy, ông T có quyền được kế thừa, hưởng mọi quyền lợi, lợi ích trên vườn cây đó, việc ông T nhận sang nhượng lại, ký kết hợp đồng và tiếp quản vườn cây từ người hợp đồng trước được sự đồng ý của Công ty.

Ông T không đồng ý hai nội dung của Công ty cổ phần cà phê PA đưa ra theo Thông báo số 2020/TB-CPPA ngày 27/3/2020, đó là: Một là thanh lý hợp đồng, hai là gia hạn hợp đồng vì khi ông T được Công ty mời lên làm việc, Công ty không cho ông T được tham gia bàn bạc ý kiến, chỉ cho ông T được chọn một trong hai nội dung mang tính chất áp đặt, làm cho ông T cũng như nhiều người khác mất quyền tự do, tự nguyện ý chí và dân chủ.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2020/NQ-HĐQT của Công ty cổ phần cà phê PA ngày 26/03/2020, về việc phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao nhận khoán vườn cây cà phê tại vùng AT, đã nêu:

Đối với các hộ có nhu cầu tiếp tục nhận khoán vườn cây của công ty, thực hiện ký kết các phụ lục gia hạn hợp đồng, thời hạn gia hạn hợp đồng 01 năm từ ngày 01/04/2020 đến 31/3/2021. Sản lượng cà phê giao nộp khoán bằng sản lượng vụ 2019 - 2020 nhưng ông T và các hộ khác không được tham gia ý kiến bàn bạc.

Ông T và gia đình các hộ khác vẫn thiện chí tiếp tục hợp tác với Công ty, phải tổ chức buổi gặp mặt làm việc trao đổi, tham gia ý kiến xây dựng để đi đến thỏa thuận thống nhất với tinh thần tự nguyện ý chí, dân chủ, không mang tính chất ép buộc và áp đặt.

Nếu ông T và nhiều hộ khác đồng ý ký kết vào phụ lục gia hạn hợp đồng thì Công ty cho rằng là đã đồng ý và công nhận vườn cây là 100% của Công ty. Vậy thì giá trị vườn cây còn lại được tính 50% cho bên B để cho công ty chiếm đoạt và hưởng hết. Thanh lý hợp đồng Công ty thanh toán công chăm sóc từ ngày 20/01/2020 đến ngày 31/03/2020 với số tiền là 10.200.000 đồng, Công ty không thực hiện giải quyết quyền lợi khi kết thúc thời hạn hợp đồng được tính 50% bên A và 50% bên B nhưng Công ty cho rằng ông T tiếp tục cố tình chiếm giữ đất và vườn cây là không đúng.

Vốn góp ban đầu trong thời khì xây dựng kiến thiết cơ bản từ năm 1995 đến năm 1998, vốn góp của bên A là 60 % và bên B 40%. Hết thời hạn hợp đồng sau 25 năm thì giá trị vườn cây còn lại được tính 50% cho bên A và 50% cho bên B thì mới đảm bảo quyền lợi của ông T.

Theo báo cáo của xí nghiệp cà phê AT tại Đại hội công nhân viên chức lần 1 vào ngày 02/3/2004, Công ty tính toán xác định lại vốn góp của bên A, bên B từ năm 1995 đến năm 2003 không đúng theo tỷ lệ vốn góp trong hợp đồng của năm 1997, Công ty báo cáo tính toán và xác định lại vốn góp của hai bên, trong đó Công ty 80,33% và hộ gia đình 19,67%. Thực tế Công ty đưa ra hai phương án cho bên B chọn và phải nộp thêm vốn góp cho đủ tỷ lệ 40%.

a. Nộp bằng tiền 22.338.012đồng/ha cà phê kinh doanh, 10.086.617 đồng/ha cà phê kiến thiết cơ bản.

b. Nộp bằng sản phẩm: Phân chia theo tỷ lệ thực tế vốn góp bên B phải nộp cho bên A là 1.000 kg cà phê quả tươi/ha kể từ vụ 2004-2005.

Tại đại hội công nhân viên chức có rất nhiều ý kiến phản ánh của cán bộ quản lý đội và đại biểu đại diện cho cán bộ công nhân viên chức và hộ nhận khoán. Phần lớn vốn bên A đầu tư ngoài vườn cây, hộ không rõ và không giám sát được nên không biết tỷ lệ góp vốn của các bên đúng, hợp lý toàn bộ hay chưa, không được Công ty giải trình rõ ràng, mức công ty đưa ra bên B phải nộp thêm là quá cao.

Qua nhiều ý kiến phản ánh tại đại hội nhưng lãnh đạo Công ty cũng như xí nghiệp không chấp nhận. Trong thời điểm này hộ gia đình thu nhập thấp, kinh tế đời sống đang rất khó khăn và eo hẹp vì thế buộc phải chọn 1 trong 2 phương án và phải chọn phương án 2 đó là nộp thêm cho bên A sản lượng 1.000 kg cà phê quả tươi/hecta/vụ để được hưởng quyền lợi khi hết thời hạn hợp đồng sau 25 năm giá trị vườn cây còn lại 50% thuộc về bên B.

Ý kiến của Giám đốc công ty nếu yêu cầu kiểm tra vốn hai bên thì tổ chức cử đại diện công nhân, hộ gia đình nhận khoán để tiến hành kiểm tra. Nhưng suốt 25 năm thực hiện hợp đồng cho đến khi hợp đồng đã hết thời hạn vẫn chưa được Công ty giải trình rõ ràng cụ thể và minh bạch về vấn đề là căn cứ vào đâu để Công ty xác định 100% vốn đầu tư đều là của Công ty.

Công ty chưa trả lại khoản mà Công ty thu tiền dự phòng rủi ro và 1% chính sách xã hội, Công ty đã thu từ vụ năm 2004 - 2005 đến vụ năm 2016 – 2017, tổng cộng là 13 vụ, trong Hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê năm 2004 đã có nội dung nêu rõ tại Điều III của Hợp đồng, hàng năm trích 2% sản lượng nộp khoán để lập quỹ dự phòng thiên tai, hạn hán, dịch bệnh, 1% để thực hiện công tác chính sách xã hội đáng lẽ thu trong sản lượng nộp khoán nhưng Công ty lại thu ngoài sản lượng nộp khoán.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định về thanh lý hợp đồng thì bị đơn đồng ý, hoàn trả quyền sử dụng đất cho Công ty khi thanh lý hợp đồng vì đất được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty, bị đơn không tranh chấp về quyền sử dụng đất nhưng yêu cầu khi thanh lý chấm dứt hợp đồng thì Công ty phải thực hiện đúng các nội dung điều khoản của hợp đồng năm 1997, giải quyết việc hoàn trả giá trị vườn cây là tài sản gắn liền với đất vì vườn cây hết thời hạn hợp đồng sau 25 năm thì giá trị vườn cây còn lại được tính 50% cho bên A và 50% cho bên B đối với cây cà phê, cây muồng bờ lô. Đối với cây bơ bờ lô thì chia theo tỷ lệ góp vốn 80% cho chị Vinh và 20% cho Công ty. Bồi thường 100% giá trị các cây trồng không có trong hợp đồng giao khoán cho ông T theo giá nhà nước đã được định giá vì việc ông T trồng các cây này là để tăng thu nhập, không ảnh hưởng đến cây cà phê và Công ty cũng biết và đồng ý.

Giải quyết hoàn trả lại 2% quỹ dự phòng rủi ro và 1% chính sách xã hội Công ty đã thu ngoài sản lượng nộp khoán từ vụ năm 2004 – 2005 đến năm 2016 – 2017. Các khoản này do người nhận khoán cũ nộp và ông T trực tiếp nộp 02 vụ sau khi nhận khoán vì chủ nhận khoán cũ nộp nên việc kế thừa quyền lợi thì ông T được hưởng.

Bị đơn đồng ý kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản, bị đơn đã nhận được các văn bản thông báo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và thông báo kết quả định giá tài sản của Tòa án.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M (Vợ của ông T) trình bày: Bà M hoàn toàn đồng ý toàn bộ những nội dung trình bày của bị đơn ông Nguyễn Mạnh T, cũng như ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông YK Niê Siêng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 28/3/2022 của Toà án nhân dân huyện KB, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, điều 157, 165, điều 203, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, các điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 510, 511 của của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 8, 9, 10 và Điều 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 102/2006/TT-BNN ngày 13//6/2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Mạnh T).

1.1. Chấm dứt hợp đồng kinh tế về việc giao nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê - cây bơ số số 29.Đ3/HĐCF ngày 30/3/2007, số 28.Đ3/HĐCF ngày 30/3/2007 ngày 28/4/2010 và số 41/AT/HĐGK ngày 08/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV cà phê PA (nay là Công ty cổ phần cà phê PA) với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả lại toàn bộ diện tích đất, các loại cây trồng và tài sản tạo dựng trên đất đã nhận khoán diện tích 02,39 héc ta, thuộc các thửa đất số 32,54,117 tờ bản đồ số 24 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM279613 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/4/2018 cho Công ty cổ phần cà phê PA. Tứ cận như sau:

+ Đối với mã lô E 13: Phía Đông giáp lô của bà Hoàng Thị B; Phía Tây giáp đường lô; Phía Nam giáp đường lô; Phía Bắc giáp đường lô;

+ Đối với mã lô E 9: Phía Đông giáp đường lô; Phía Tây giáp đường lô; Phía Nam giáp lô của ông Đoàn Ngọc C; Phía Bắc giáp lô của bà Nguyễn Thị L.

+ Đối với mã lô E 16: Phía Đông giáp đất của bà HM Niê; Phía Tây giáp đường lô; Phía Nam giáp lô của bà Trần Thị U và ông Đặng Đình D; Phía Bắc giáp đường lô của ông Nguyễn Đức T4;

1.2. Về giải quyết hậu quả của việc thanh lý các hợp đồng kinh tế về việc giao nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê - cây bơ số 29.Đ3/HĐCF ngày

30/3/2007, số 28.Đ3/HĐCF ngày 30/3/2007 ngày 28/4/2010 và số 41/AT/HĐGK ngày 08/12/2014:

Buộc Công ty cổ phần cà phê PA có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T giá trị của cây trồng trên đất là cây cà phê, cây bơ, cây muồng có trong hợp đồng và cây trồng không có trong hợp đồng với tổng giá trị là 1.118.535.200 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Công ty cổ phần cà phê PA phải hoàn trả lại 2% quỹ dự phòng rủi ro và 1% quỹ chính sách xã hội thu ngoài sản lượng trong thời gian 13 năm từ năm 2014 đến năm 2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2022, nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 12/2022/DSST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của nguyên đơn để giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị hủy Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, các Hợp đồng giao khoán, xác đinh được như sau:

Trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2014 giữa Công ty cổ phần cà phê PA (viết tắt là Công ty) với ông Nguyễn Mạnh T (Nguyễn Văn T) đã ký kết với nhau 03 hợp đồng giao khoán gồm: Hợp đồng giao khoán vườn cà phê số 29.Đ3/HĐCF ngày 30/3/2007; Hợp đồng giao khoán – nhận khoán vườn cà phê số 28.Đ3/HĐCF ngày 28/4/2010; Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số 41/AT/HĐGK ngày 8/12/2014. Việc ký kết các hợp đồng nêu trên đều do các bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và không trái quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đều thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng giao khoán. Đến ngày 27/3/2020, Công ty ban hành Thông báo số 202/TB-CPPA về việc thanh lý, gia hạn hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê vùng AT nhưng ông T không đồng ý và không thực hiện vì cho rằng Công ty chưa giải quyết quyền lợi đối với vườn cây trên đất cho ông T. Như vậy, các bên đã không đạt được sự thống nhất về việc thanh lý hợp đồng và không tiếp tục ký gia hạn hợp đồng nên Công ty khởi kiện ông T để yêu cầu thanh lý (chấm dứt) hợp đồng giao khoán, yêu cầu hoàn trả quyền sử dụng đất, quyền sở hữu vườn cây; phía bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để tuyên bố chấm dứt hợp đồng kinh tế về việc giao nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê - cây bơ số số 29.Đ3/HĐCF ngày 30/3/2007, số 28.Đ3/HĐCF ngày 30/3/2007 ngày 28/4/2010 và số 41/AT/HĐGK ngày 08/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV cà phê PA (nay là Công ty cổ phần cà phê PA) với bị đơn ông Nguyễn Mạnh T (Nguyễn Văn T) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

***** Đối với việc giải quyết hậu quả của việc thanh lý hợp đồng nguyên đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T giá trị của cây trồng trên đất là cây cà phê, cây bơ, cây muồng có trong hợp đồng và cây trồng không có trong hợp đồng với tổng giá trị là 1.118.535.200 đồng, là không có căn cứ, bởi lẽ:

Nghị quyết đại hội đại biểu công nhân viên chức và người nhận khoán ngày 02/3/2004 được diễn ra sau khi tính toán lại chi phí góp vốn đầu tư của hai bên từ năm 1995 đến năm 2003. Theo đó, đến thời điểm đại hội thì giá trị vốn góp của Công ty là 80,33 %, của hộ nhận khoán là 19,67 % là không đúng tỷ lệ vốn góp

của hai bên quy định tại hợp đồng năm 1997 (Công ty đầu tư 60%, hộ nhận khoán là 40%), trong bối cảnh thực hiện trồng mới, chăm sóc kiến thiết cơ bản đến thời kỳ kinh doanh có nhiều biến động như giá cả thấp, một số hộ đã bỏ diện tích liên kết, không chăm sóc vườn cây, tự ý sang nhượng không qua Công ty. Trước tình hình đó Công ty tổ chức đại hội đại biểu công nhân viên chức và người lao động tại xí nghiệp AT, căn cứ Nghị quyết đại hội Công ty đã tiến hành ký hợp đồng năm 2004, hợp đồng năm 2004 có một số sự thay đổi như kể từ vụ 2004 - 2005 đến hết chu kỳ khoán, mỗi hecta cà phê kinh doanh tăng thêm 1.000kg cà phê quả tươi. Thực tế đây là phương án được đưa ra cho phù hợp với thực tế vốn góp đầu tư của hai bên và bên B (hộ nhận khoán) nộp thêm quý dự phòng rủi ro 2% và quỹ chính sách xã hội 1%. Nghị quyết nêu trên đã được thực hiện, Công ty cũng thừa nhận trong thời gian thực hiện hợp đồng năm 2004 không có tranh chấp với hộ nhận khoán. Như vậy, thực tế việc thay thế hợp đồng năm 1997 bằng hợp đồng năm 2004 là để phù hợp với thực tế góp vốn của hai bên, ghi nhận thêm nội dung mới, Nghị quyết không có điều khoản hay nội dung nào thể hiện đã giải quyết, chấm dứt việc góp vốn hay trả lại số vốn góp của hộ nhận khoán.

Ngoài ra, thời hạn hợp đồng liên kết năm 1997 có thời hạn là 25 năm phù hợp với hình thức khoán ổn định theo chu kỳ cây trồng của cây cà phê, là đối tượng chính trong các hợp đồng từ năm 1997 cho đến nay, việc thanh lý để tính giá trị còn lại của vườn cây chỉ xảy ra khi hết thời hạn 25 năm, Công ty cũng thừa nhận chưa giải quyết hay chi trả bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến phần vốn góp cho các hộ nhận khoán trước đây.

Sau khi nhận chuyển nhượng từ các hộ nhận khoán trước đây thì ông T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nhận khoán đối với Công ty. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty có trách nhiệm thanh toán cho ông T (bên nhận khoán) 50% các cây có trong thời kỳ kiến thiết cơ bản (cây cà phê, cây muồng) theo hợp đồng năm 1997 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều VII, trang 7 hợp đồng 1997 của hợp đồng liên kết sản xuất kinh doanh cà phê năm 1997. Đối với cây booth trồng trong lô hoàn trả 100 % giá trị cây; cây booth trồng bờ lô hoàn trả 80 % giá trị cây là hoàn toàn có căn cứ. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T giá trị của cây trồng trên đất là cây cà phê, cây bơ, cây muồng có trong hợp đồng và cây trồng không có trong hợp đồng với tổng giá trị là 1.118.535.200 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

** Ngoài ra, nguyên đơn kháng cáo cho rằng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, không đóng tiền tạm ứng án phí nhưng Tòa án cấp*

sơ thẩm vẫn xem xét giải quyết để buộc nguyên đơn phải thanh toán giá trị vườn cây cho bị đơn là vượt quá phạm vi xét xử là không có căn cứ, bởi lẽ:

Mặc dù bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán giá trị vườn cây, tuy nhiên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu thanh lý hợp đồng giao khoán với ông Nguyễn Văn T. Do đó, khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải giải quyết hậu quả của việc thanh lý hợp đồng mới giải quyết triệt để vụ. Vì vậy, mặc dù không có đơn yêu cầu phản tố Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét giải quyết là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 28/3/2022 của Toà án nhân dân huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 28/3/2022 của Toà án nhân dân huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, điều 157, 165, điều 203, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, các điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 510, 511 của của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 8, 9, 10 và Điều 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 102/2006/TT-BNN ngày 13//6/2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Mạnh T).

***** Chấm dứt 03 hợp đồng kinh tế về việc giao nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê số: 29.Đ3/HĐCF ký ngày 30/3/2007; Hợp đồng giao khoán – nhận khoán vườn cà phê số: 28.Đ3/HĐCF ký ngày 28/4/2010; Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số: 41/AT/HĐGK ký ngày 8/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV cà phê PA (nay là Công ty cổ phần cà phê PA) với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả lại toàn bộ diện tích đất, các loại cây trồng và tài sản tạo dựng trên đất đã nhận khoán diện tích 02,39 héc ta, thuộc các thửa đất số 32,54,117 tờ bản đồ số 24 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM279613 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/4/2018 cho Công ty cổ phần cà phê PA. Tứ cận như sau:

+ Đối với mã lô E13: Phía Đông giáp lô của bà Hoàng Thị B; Phía Tây giáp đường lô; Phía Nam giáp đường lô; Phía Bắc giáp đường lô.

+ Đối với mã lô E9: Phía Đông giáp đường lô; Phía Tây giáp đường lô; Phía Nam giáp lô của ông Đoàn Ngọc C; Phía Bắc giáp lô của bà Nguyễn Thị L.

+ Đối với mã lô E16: Phía Đông giáp đất của bà HM Niê; Phía Tây giáp đường lô; Phía Nam giáp lô của bà Trần Thị U và ông Đặng Đình D; Phía Bắc giáp đường lô của ông Nguyễn Đức T4.

***** Về giải quyết hậu quả của việc thanh lý 03 hợp đồng kinh tế về việc giao nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê số: 29.Đ3/HĐCF ký ngày 30/3/2007; Hợp đồng giao khoán – nhận khoán vườn cà phê số: 28.Đ3/HĐCF ký ngày 28/4/2010; Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số: 41/AT/HĐGK ký ngày 8/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV cà phê PA (nay là Công ty cổ phần cà phê PA) với bị đơn ông Nguyễn Văn T:

Buộc Công ty cổ phần cà phê PA có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T giá trị của cây trồng trên đất là cây cà phê, cây bơ, cây muồng có trong hợp đồng và cây trồng không có trong hợp đồng với tổng giá trị là **1.118.535.200** đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

***** Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Công ty cổ phần cà phê PA phải hoàn trả lại 2% quỹ dự phòng rủi ro và 1% quỹ chính sách xã hội thu ngoài sản lượng trong thời gian 13 năm từ năm 2014 đến năm 2017.

[1.2] Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho Công ty cổ phần cà phê PA số tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 3.000.000 đồng.

[1.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0011715 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí dân phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê PA phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0008601 ngày 20/4/2022.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- CC THADS huyện KB;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng